

Đời sống tăng đoàn ở Nalanda thế kỉ 7: Cây xỉ/chà răng theo ghi chép của pháp sư Nghĩa Tịnh

ISSN: 2734-9195 10:44 07/01/2025

“Đời sống tăng đoàn ở Nalanda (Ấn Độ) vào thế kỉ 7: cây xỉ/chà răng theo ghi chép của pháp sư Nghĩa Tịnh” bàn về điều 8 trong 40 điều (hay chương) của cuốn Nam Hải Kí Quy Nội Pháp Truyện/NHKQNPT, soạn giả là pháp sư Nghĩa Tịnh (635-713).

Tác giả: **Nguyễn Cung Thông [1]**

Tóm tắt

Tựa đề “Đời sống tăng đoàn ở Nalanda (Ấn Độ) vào thế kỉ 7: cây xỉ/chà răng theo ghi chép của pháp sư Nghĩa Tịnh”. Bài này bàn về điều 8 trong 40 điều (hay chương) của cuốn Nam Hải Kí Quy Nội Pháp Truyện/NHKQNPT, soạn giả là pháp sư Nghĩa Tịnh (635-713). Tài liệu này ghi lại luật lệ mà tăng ni phải tuân thủ theo truyền thống Phật giáo Nguyên thủy (từ thời đức Phật Tổ). Không những là một nội quy của tăng đoàn vào TK 7, NHKQNPT còn là một cẩm nang y tế để giữ sức khoẻ lâu dài.

Điều 8 chép lại hoạt động xỉ/chà răng và súc miệng mỗi sáng bằng xỉ mộc ở Ấn Độ: từ kích thước, vật liệu cho đến phương cách vút bỏ sau khi dùng.

Ngoài ra Nghĩa Tịnh nhất quyết là tước xỉ mộc (nhai/đánh răng bằng xỉ mộc) không phải là tước dương chi (nhai/đánh răng bằng nhánh dương) như đa số tài liệu kinh kệ được dịch từ tiếng Phạn.

NHKQNPT còn cung cấp nhiều thông tin quý báu về nhân danh, địa danh rất ích lợi cho các nhà khảo cổ, ngôn ngữ hay lịch sử để tra cứu vấn đề thêm chính xác.

Thí dụ như Lâm Ấp cũng gọi là Chiêm Ba vào TK 7, Trung Quốc và Tây phương nghĩa là Ấn Độ chứ không phải theo cách hiểu ngày nay. Các lời bình phẩm của Nghĩa Tịnh cũng cho thấy lễ lối ứng xử khác nhau ở Trung Hoa so với Ấn Độ tuy cùng một tông phái như Đại thừa hay Tiểu thừa.

Tài liệu này góp phần không nhỏ trong việc soi sáng thêm lịch sử hình thành Phật giáo ở xứ Phật (Ấn Độ) và các nước Á Châu.

Từ khoá: Nghĩa Tịnh, xỉ mộc, dương chi, Na Lan Đà, Long Thọ/Thụ, Tây quốc, Ngũ Thiên, Trung Quốc, Phạn, Phật.

ABSTRACT

Article's title "*Life of Sangha in Nalanda (India) in the 7th century: use of tooth wood* 从《法苑珠林》看《法苑珠林》卷八" This article discusses section number 8 in 40 sections of the book "A Record of Buddhist Practices Sent Home from the Southern Sea" 法苑珠林 written by the Chinese Buddhist monk Yi Jing (635-713). This text records traditional rules for Buddhism practitioners in the 7th century. The text is a health manual, particularly section number 8 details tooth cleaning by local tooth wood from its preparation, cleaning/washing operation to discarding stage. Yi Jing is adamant that jiǎo mù - tức xỉ mộc 𦵑𦵑 is different from jiǎo yáng zhī - tức dương chi 𦵑𦵑, contrary to majority of Chinese texts translated from Sanskrit. His records also provides valuable information about place and people's names which archeologists, linguists and historians can explore in their reseach process.

For instance, in the 7 th century Lin Yi 林邑 was also named as Champa 𦵑𦵑 at the same time, Zhong Guo 中国 and Xi Fang 西方 signified India in contrast to their current and different meanings (中国 means China, 西方 means European countries). Yi Jing's comments also shed light on different Mahayana and Hinayana practices in India versus China, which are important to further understanding of Buddhism history at large. Keywords: Yi Jing according to pinyin is yì jìng - Nghĩa Tịnh 𦵑𦵑, chǐ mù - xỉ mộc 𦵑𦵑, yáng zhī - dương chi 𦵑𦵑, Nà Làn Tuó - Na Lan Đà 𦵑𦵑, Lóng Shù - Long Thọ/Thụ 𦵑𦵑, Xī guó - Tây quốc 𦵑𦵑, Wǔ Tiān - Ngũ Thiên 𦵑𦵑, Zhōng Guó - Trung Quốc 中国, Fàn - Phạn/Phạm 𦵑𦵑, Fó - Phật 𦵑𦵑

Khoa học hiện đại đã cho thấy là tình trạng sạch sẽ của răng và miệng (oral hygiene - tiếng Anh) có ảnh hưởng không nhỏ đến sức khỏe con người. Ca dao tục ngữ tiếng Việt cũng đề cao tính chất của hàm răng như "*răng long đầu bạc; thứ nhất đau mắt, thứ nhì nhức răng; cái răng cái tóc là góc con người ...*", qua đó ta có thể thấy được phần nào vẻ đẹp (ngoại hình) và sức khỏe toàn diện con người.

Truyền thống người Việt, chăm sóc răng không đòi hỏi gì nhiều: từ nhỏ thì dùng tăm, khi lớn thì dùng cau khô ...v.v... Các tài liệu cổ của Phật giáo cũng kêu gọi tăng ni cần để ý chăm nom sức khỏe mình, đặc biệt là miệng và răng.

Bài viết này chú trọng đến điều thứ 8 (hay chương 8) của cuốn Nam Hải Kí Quy Nội Pháp Truyện do pháp sư Nghĩa Tịnh soạn vào khoảng đầu thập niên 690, điều 8 có tựa đề là Triều tước xỉ mộc 𠵼𠵼𠵼𠵼 (sáng sớm phải chải/chà răng - tạm dịch/NCT). Một số Hán và Phạn tự được ghi lại để tránh trường hợp tối nghĩa và tiện cho người đọc tra cứu thêm khi cần. Các hoạt động giúp sức khỏe tăng lữ còn được pháp sư Nghĩa Tịnh ghi chép cẩn thận từ việc đi vệ sinh cá nhân (điều 18) cho đến việc rửa tay vào buổi ăn (điều 5), dùng nước sạch (điều 6 và 7), tắm rửa thân thể cho sạch (điều 20), tập thể dục/đi bộ (điều 23), phương cách trị bệnh tật (điều 27), phân biệt thức ăn sạch hay dơ, không dùng lại đồ ăn thừa (điều 4) ...v.v...

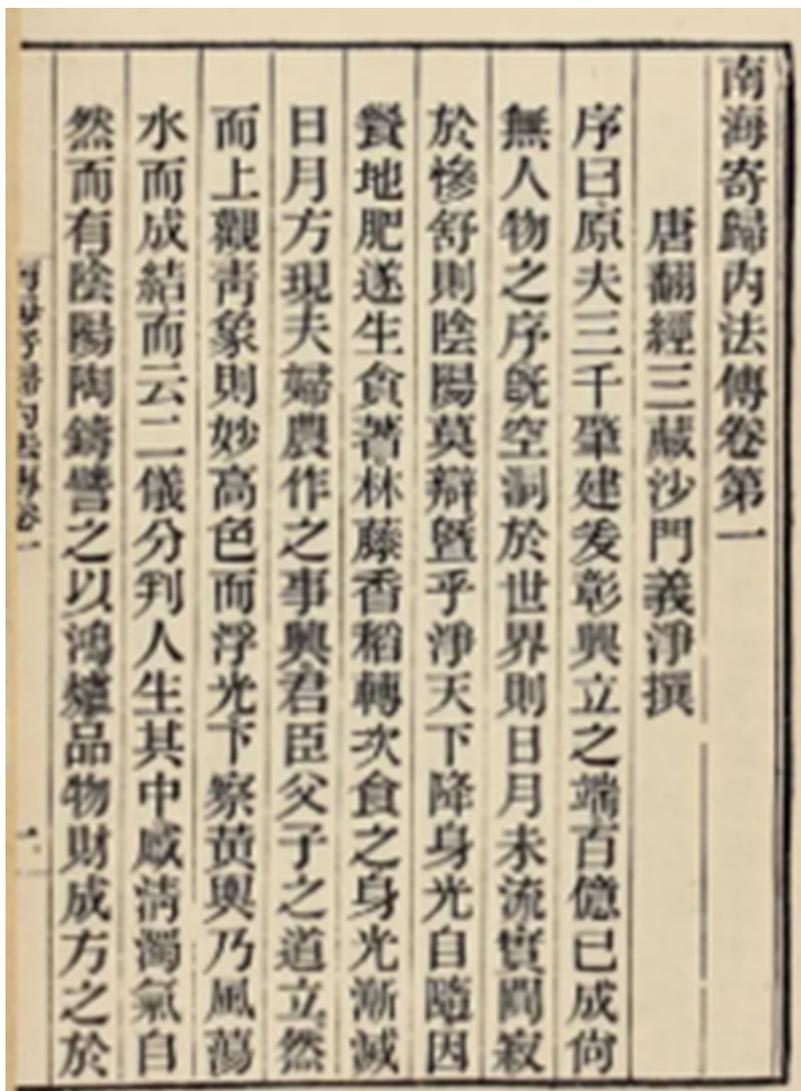
Sau khi biên soạn tác phẩm trên và gửi về nước (Trung Hoa), ngài trở lại Lạc Dương vào năm 695 và chính Võ Tắc Thiên (bấy giờ đã là hoàng đế Trung Hoa) đích thân ra nghênh tiếp. Các chữ viết tắt trong bài là NCT (Nguyễn Cung Thông), PG (Phật Giáo, sđd (sách đã dẫn), HV (Hán Việt), NHKQNPT (Nam Hải Kí Quy Nội Pháp Truyện). Tuy là người sau cùng trong ba nhà du hành nổi tiếng Trung Hoa (cũng là tăng sĩ/dịch giả) đã qua xứ Phật vào thời trung cổ, nhưng ngài ở đây ít nhất là 12 năm trong 25 năm lưu lạc ở "nước ngoài" lo học đạo, so với 10 năm của nhà sư Pháp Hiển và 16 năm của nhà sư Huyền Trang. Do đó các nhận xét và ghi chép của ngài rất sâu sắc và đáng chú ý.

1. Pháp sư Nghĩa Tịnh và Nam Hải Kí Quy Nội Pháp Truyện

Pháp sư Nghĩa Tịnh 𠵼𠵼, tên tục là Trương Văn Minh 𠵼𠵼, sinh năm 635 ở Tế Châu (Sơn Đông) và xuất gia năm 14 tuổi. Ngài đã nghe tiếng thiền sư Pháp Hiển và Huyền Trang hành hương xứ Phật, nên nhất định theo đuổi ý định này để tìm hiểu Phật pháp thấu đáo hơn. Tới năm 37 tuổi, ngài mới có cơ hội đi tàu qua Srivijaya (bây giờ là Palembang ở Sumatra, từng là một trung tâm Phật giáo lớn trong vùng Đông Nam Á), ở đây 6 tháng học tiếng Phạn và tiếng Mã Lai, sau đó đi tàu sang Ấn Độ. Sau khi đậu "*kì thi nhập học*", ngài vào chùa[2] (tu viện) Nalanda được 12 năm tu học, so với 25 năm sống ở hải ngoại và thăm viếng được hơn 30 quốc gia. Ngài đem về nước khoảng 400 bộ kinh luận tiếng Phạn, cùng khoảng 300 viên ngọc xá lợi. Cho đến cuối đời vào năm 713, ngài luôn chăm chú dịch kinh từ tiếng Phạn (được hơn 50 bộ kinh). Một số tác phẩm nổi tiếng của Nghĩa Tịnh là Đại Đường Tây Vực Cầu Pháp Cao Tăng Truyện, Trọng Quy Nam Hải Truyện, Nam Hải Kí Quy Nội Pháp Truyện, Phạn Ngữ Thiên Tự Văn 𠵼𠵼𠵼𠵼 còn gọi là Phạm Đường Thiên Tự Văn, Đường Tự Thiên Man Thánh Ngữ 𠵼𠵼𠵼𠵼, 𠵼𠵼𠵼𠵼 ...v.v...

Nam Hải Kí Quy Nội Pháp Truyện gồm 4 quyển và có 40 điều (chương) được coi như là nội quy cho các sa môn (tăng sĩ hay ni cô Phật giáo) phải noi theo cùng với các lý do và phê bình chi tiết của pháp sư Nghĩa Tịnh. Một số điều khoản trong NHHQNPT:

- 1) Phá hạ phi tiểu [] (phá hạ[3] không phải là chuyện nhỏ - tạm dịch/NCT)
- 2) Đối tôn chi nghi [] (cách ứng xử với đức Phật Tổ)
- 3) Thực tọa tiểu sàng [] (ngồi ghế nhỏ trong bữa ăn)
- 4) Xan phân tịnh xúc [] (phân biệt thức ăn sạch và dơ)
- ...
- 8) Triều tước xỉ mộc [] (sáng sớm phải nhai/chà răng bằng xỉ mộc)
- ...
- 38) Thiêu thân bất hợp [] (thiêu xác thân là không hợp lẽ trong PG)
- 39) Bàng nhân hoạch tội [] (người ngoài cuộc mắc tội)
- 40) Cổ đức bất vi [] (các điều sa môn già và đạo đức không làm)



Ảnh tác giả cung cấp

Trang đầu, cột thứ 1 từ bên phải: Nam Hải Kí Quy Nội Pháp Truyện - quyển đệ nhất, cột thứ 2 bên từ bên phải: Đường[4] phiên kinh tam tạng sa môn Nghĩa Tịnh soạn. Cột thứ 3 và phần đầu cột 4 từ bên phải: tự viết[5] nguyên phu tam thiên triệu kiến, viên chương hưng lập chi đoan, bách ức dĩ thành thượng vô nhân vật chi tự - tạm dịch: từ nguyên thủy, khi ba ngàn thế giới được tạo dựng thì có dấu hiệu cho biết sự xuất hiện này. Khi mọi vật được tạo ra thì không phân biệt được người (động vật - NCT) và vật (tĩnh vật/đồ vật - NCT)...v.v... Một chi tiết cần ghi chú thêm ở đây là địa danh Nam Hải 南 海 có phạm trù nghĩa khá rộng và còn tùy theo thời kỳ nào: nét nghĩa chính là biển ở phía nam so với TQ, hay còn gọi là biển đông so với vị trí nước Việt Nam ... Biển này còn có thể bao gồm cả các khu vực như bán đảo Mã Lai, các đảo Sumatra, Java và các đảo nhỏ ở lân cận (các đảo Nam Hải có trên 10 nước - đây là nét nghĩa thời Nghĩa Tịnh). Vì pháp sư Nghĩa Tịnh soạn tài liệu này khi đang ở Srivijaya (phía đông đảo Sumatra), nên mới có tựa đề là Nam Hải Kí Quy Nội Pháp Truyện (tạm dịch/NCT: truyện kể nội quy của tăng sĩ/sa môn gửi về từ Nam Hải). Cần thận trọng khi đọc các địa danh cách đây hơn 13 TK, nhất là qua dạng kí âm của Hán ngữ: đây

chỉ là cách kí âm hay âm đọc gần đúng của một tiếng nước ngoài; thêm vào đó là câu văn Hán ngữ cách đây hơn 1300 năm nhiều khi tối nghĩa hay có nhiều cách diễn dịch, không kể việc chép lại sai nguyên bản...



Ảnh tác giả cung cấp

Bản đồ Nam Hải vào TK 17 gồm có Việt Nam, Champa, bán đảo Mã Lai, đảo Sumatra, đảo Java và các đảo lân cận.

Nghĩa Tịnh thường dùng Tây quốc 西國 để chỉ Ấn Độ, có lúc dùng Tây phương 西方 hay Tây thổ 西土, 西土 Bà La Môn quốc - so với các cách gọi khác như Tây thiên 西天, Tây vực 西域. Để ý Tây phương vào TK 7 có nghĩa khác hẳn với cách hiểu hiện nay. Tây thiên còn có một nghĩa nữa là cõi cực lạc[6] trong Tịnh Độ giáo. Để chỉ (nước) Trung Hoa thì Nghĩa Tịnh thường dùng Thần châu 神州, Xích huyện 赤縣 hay Đông Hạ 東夏 (các địa danh[7] này không dùng trong điều 8) - xem thêm chi tiết trong Phụ trương 3.

2. Phỏng dịch điều 8 - Triều Tước Xỉ Mộc 西木

Điều[8] 8 - Nam Hải Kí Quy Nội Pháp Truyện - quyển đệ nhất (tạm dịch/NCT) - tham khảo phiên bản Hán ngữ trong Phụ Trương 1.

Mỗi sáng sa môn[9] cần phải nhai, chà răng và cạo lưỡi bằng xỉ mộc, làm vậy như nề nếp hàng ngày[10]. Rửa tay và súc miệng cho sạch, xong rồi mới chào hỏi nhau. Nếu không thì sẽ đắc tội. Xỉ mộc là cây chà răng, tiếng Phạn là đạn xỉ

gia sắt giá: đạn xỉ nghĩa là răng/ngà, gia sắt giá nghĩa là cái/thanh cây. Xỉ mộc dài 12 chiều ngang ngón tay, không nhỏ hơn 8 chiều ngang ngón tay, lớn khoảng ngón tay út. Nhai một đầu cho mềm rồi dùng đầu này để chà/lau cho sạch miệng. Khi gần một người đáng kính thì lấy tay trái che miệng nếu đang dùng xỉ mộc. Xong thì bẻ xỉ mộc, uốn cong nó để cạo lưỡi. Hoặc có thể dùng loại bằng đồng hay sắt làm đồ cạo lưỡi, hoặc lấy thanh tre hay gỗ, dẹp như bề mặt ngón út, vọt cho nhọn để xỉa/khều răng và bẻ cong để cạo lưỡi, cẩn thận đừng làm hại (thương tổn) đến miệng. Khi đã dùng xong thì rửa và vớt xỉ mộc ở một nơi vắng vẻ. Thường khi vớt bỏ xỉ mộc, hay khi khạc nhổ thì phải khảy ngón tay ba lần hay tăng hằng ít nhất hai lần. Nếu không làm như vậy thì có tội.

Nếu ở gần nông trại hay rừng rú thì thường lấy nhánh cây trách (tạc), cây cát (sắn). Nếu ở đồng bằng thì tùy ý dùng nhánh cây đào, mai, dương liễu làm xỉ mộc - phòng bị cho đủ, đừng để cho thiếu. Ướt[11] thì cho người khác, khô thì giữ lấy mà dùng. Sa môn trẻ thì dùng xỉ mộc tự nhiên, nhưng sa môn cao tuổi cần đập nát một đầu cho mềm trước khi dùng. Loại tốt là khi có vị đắng, chát, cay. Loại có đầu xỉ/chà răng mềm như bông gòn là tốt nhất. Rễ lá cây thu hồ[12] dùng làm xỉ mộc rất tốt (thu hồ hay thương nhĩ là cây có rễ ăn sâu vào đất hai tác xưa[13]). Xỉ mộc là răng cứng, miệng thơm, giúp tiêu hoá và giải trừ bệnh tim[14]. Dùng xỉ mộc trong nửa tháng thì chứng hôi miệng sẽ hết, chứng đau răng trong ba tuần[15] thì lành. Cốt yếu là nhai cho kỹ và lau/rửa cho sạch, súc miệng cho nhiều nước, nhổ hết nước miếng/nước súc miệng ra ngoài, Đấy chính là cách thức vậy.

Sau đó, uống bằng mũi một sao[16] nước, đây là phương pháp để được sống lâu[17] của ngài Long Thọ/Thụ. Nếu không quen uống (nước) bằng mũi như trên, uống bằng miệng cũng tốt. Áp dụng các phương cách trên lâu ngày thì ít bệnh tật. Chất bẩn (uế) ở chân răng tích tụ lâu ngày trở nên cứng, phải cạo cho sạch hết. Lấy nước (nóng) đắng rửa thì răng sẽ không bị hư suốt đời (chung thân). Đau răng ở đây (Ấn Độ) [18] rất hiếm vì hậu quả tốt lành khi dùng xỉ mộc xỉa/chà răng. Có vấn đề về cách hiểu xỉ mộc cho ra lẽ so với nét nghĩa dương chi (nhánh liễu): cây liễu ở Ấn Độ rất hiếm dù rằng người dịch thường dùng danh từ dương chi. Thật ra xỉ mộc của đức Phật không phải là từ cây dương liễu, chính tôi đã quan sát thấy ở chùa Na Lan Đà[19]. Tôi không cần tin hay nghe người khác nữa, cũng như người nghe[20] không phải mất công/lao trí. Tra kinh Niết Bàn tiếng Phạn thấy nói rằng "*khi nhai xỉ mộc*" thì rõ vậy. Có lúc[21] dùng cành liễu nhỏ, năm hay sáu, đều cho vào miệng nhai mà không biết súc/rửa miệng. Hoặc họ còn nuốt nước (tráp) từ xỉ mộc trong miệng để cho hết bệnh, cầu sạch sẽ mà lại trở thành dơ bẩn, muốn khỏi bệnh mà hoá ra mang thêm bệnh. Có phải họ đã biết được điều này hay không? Có giải thích cũng bằng thừa. Tục lệ 5 miền của đất Ấn Độ là nhai xỉ mộc để chà sạch răng, ngay cả đũa

Vận, Chánh Vận) - âm gia HV là dạng ngạc hoá hậu kì của âm *ca. Do đó, âm Phạn vào thời Nghĩa Tịnh ghi lại là đạn *đả *ca sắt sá hay là *dandakasha, liên hệ rất rõ nét với với tiếng Phạn[29] là dantakāṣṭha (𑖣𑖦𑖫𑖜𑖩𑖪𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯). Đây là một từ ghép của hai từ 𑖣𑖦𑖫𑖜 (dantaḥ) nghĩa là răng/ngà và 𑖬𑖭𑖮𑖯 (kāṣṭha) nghĩa là cây, do đó dantakāṣṭha ~ xỉ mọc, là một nhánh hay mảnh cây nhỏ dùng để làm sạch răng. Tiếng Phạn dantakāṣṭha còn được kí âm là (a) 𑖣𑖦𑖫𑖜 đạn đa ni sắt *sai, chữ 𑖬𑖭𑖮𑖯 đọc là sai: 𑖬𑖭𑖮𑖯 sửu giai thiết (Đường Vận) (b) 𑖬𑖭𑖮𑖯 đạn trác *ca sắt đa - trích từ cuốn "A Dictionary of Chinese Buddhist Terms: With Sanskrit and English" tác giả Lewis Hodous/William E. Soothill (1937, in lại nhiều lần).

3.2.2 Long Thọ/Thụ

Long Thọ[30] 𑖬𑖭𑖮𑖯 là phiên nghĩa (cận nghĩa) của luận sư Đại thừa Nāgārjuna (150-250): tiếng Phạn 𑖬𑖭𑖮𑖯𑖪𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯 ghép hai chữ naga 𑖬𑖭𑖮𑖯 (rồng/rắn lớn) và arjuna 𑖠𑖪𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯 (cây, loại cây dại có gai thường gặp trong rừng); tên ngài theo truyền thuyết là do sinh ra ở dưới cây này. Các dạng kí âm cổ của Nāgārjuna là 𑖬𑖭𑖮𑖯𑖪𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯 na cà át lạt thụ na, 𑖬𑖭𑖮𑖯𑖪𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯 na cà át hạt thụ na hay 𑖬𑖭𑖮𑖯𑖪𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯 na cà a thuận na so với 𑖬𑖭𑖮𑖯𑖪𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯 na kiết a chu nột ...v.v... Long Thọ là vị bồ tát được xem như 'đức Phật Tổ thứ hai' vì các cống hiến của ngài cho giáo lý đạo Phật. Ngài là sơ tổ của phái Trung Quán hay Tam Luận và Tịnh Độ tông.

3.2.3 Nalanda - Na Lan Đà

Một số dạng kí âm khá dễ nhận ra như Nalanda: một chữ Phạn ghép ba chữ Phạn là na 𑖬𑖭𑖮𑖯 alam 𑖠𑖪𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯 và da 𑖣𑖦𑖫𑖜 nghĩa là (nơi) trí tuệ cho ra không ngừng nghỉ[31] - thí vô yếm 𑖬𑖭𑖮𑖯 - nên (chùa, tu viện) Nalanda còn gọi là thí vô yếm tự 𑖬𑖭𑖮𑖯 (thí ~ cho, vô yếm ~ không giới hạn, không ngừng). Ngoài cách giải thích Na Lan Đà là thí vô yếm, ngài Huyền Trang còn ghi lại khả năng tên Na Lan Đà có thể từ truyền thuyết con rồng (long HV 𑖬𑖭𑖮𑖯 - naga 𑖬𑖭𑖮𑖯 tiếng Phạn) từng sống trong ao địa phương này. Nghĩa Tịnh giải thích nguồn gốc tên Na Lan Đà là lấy từ tên con rồng ở gần đó, tên là 𑖬𑖭𑖮𑖯 na *cà[32] lan đà (trích từ cuốn (Đại Đường Tây Vực Cầu Pháp Cao Tăng Truyện, quyển hạ). Kí âm Hán ngữ của Nalanda là 𑖬𑖭𑖮𑖯 na lạn/lan đà - 𑖬𑖭𑖮𑖯 có hai cách đọc là lạn/khứ thanh hay lan/bình thanh. Nalanda còn được coi như là đại học chính quy đầu tiên trên thế giới và có cả kí túc xá cho sinh viên (tăng lữ) từ TK 5 cho đến TK 13. Theo ngài Huyền Trang thì nơi đây có thể chứa hơn 10000 sinh viên và 2000 giảng sư vào thời cực thịnh. Pháp sư Nghĩa Tịnh ghi lại khoảng 3000 đến 3500 tăng lữ khi đang tu học ở đây. Tăng lữ khắp nơi đến đây tu học, td. từ Trung Hoa, Nhật, Cao Li, Ấn Độ, Việt Nam (Giao Chỉ), Ba Tư, Thổ Nhĩ Kỳ ...v.v...

Trong bài viết Điều 8, Nghĩa Tịnh dùng từ đơn tiết Phật để chỉ đức Phật Tổ Thích Ca Mâu Ni. Nên nhắc ở đây là đức Phật Tổ Gautama được xem như hoá thân thứ 9 trong số 10 hoá thân của vị thần Vishnu của Ấn Độ giáo. Do đó đạo Phật có những khái niệm xuất phát từ Ấn Độ giáo, và sau này cũng chia thành nhiều phái, một điều mà pháp sư Nghĩa Tịnh cố gắng tìm hiểu và ghi lại trong các tác phẩm của ngài - đặc biệt là Đại thừa và Tiểu thừa. Đây là mục đích chính của các chuyến du hành qua Ấn Độ của các nhà sư tiên phong như Huyền Trang, Pháp Hiển trước đây, và đã ghi một ấn tượng không nhỏ trong cuộc đời xuất gia của Nghĩa Tịnh. Tham khảo thêm chi tiết trong loạt bài viết[35] "*Bụt hay Phật?*" cùng tác giả/NCT.

3.3 Năm miền của Ấn Độ (Ngũ Thiên) Nghĩa Tịnh nhắc đến 五 國 天 下[36], người viết/NCT tạm dịch là 5 miền của Ấn Độ hàm ý 5 vương quốc (triều đại) có ảnh hưởng lớn[37] vào TK 7 đến TK 12. Đó là các vương quốc Rashtrakutas, Palas, Cholas ... Biên giới các vương quốc này không cố định/chính xác - bản đồ dưới trích từ trang <https://grafosyssias.wordpress.com/ncert/7th/7th-history/7th-history-02/>



Ảnh tác giả cung cấp

Ngũ thiên theo học giả Takakusu (sđd, trang lii - dựa vào các chi tiết trong NHKQNPT) gồm có Aryadesa, Madhyadesa, Bramharashtra, Gambudvipa và

thêm duy na chỉ là dạng tóm tắt[40].

4. Kết luận

Tóm lại, tìm hiểu điều 8 của NHKQNPT cho ta thấy nhiều kết quả thú vị: đầu tiên là kỷ luật hay nội quy rất nghiêm khắc của tăng đoàn PG vào TK 7. Pháp sư Nghĩa Tịnh đã đạt được phần nào mục đích của chuyến du hành qua xứ Phật khi ghi lại tỉ mỉ các hoạt động hàng ngày của tăng lữ. Tài liệu này còn có thể coi như là một cẩm nang sức khỏe, y tế rất ích lợi cho cuộc sống cá nhân hay tập thể cũng như các khác biệt về tập tục của hai nước lớn ('cường quốc' - Trung Hoa và Ấn Độ) vào thời trung cổ. Ngài không hài lòng với một số thói quen ở quê nhà vì không biết tường tận lời đức Phật Tổ dạy, một phần là do "dịch giả" đã chuyển ngữ không chính xác từ kinh kệ tiếng Phạn, một phần do sự ngu muội và thiếu kiến thức "khoa học" thường thức. Thí dụ như xỉ mộc khác với dương chi (nhành dương) từ kích thước, vật liệu cho đến cách dùng.

Đây có thể là nguồn gốc của cây tăm xỉa răng chăng? Có tác giả đã từng đặt vấn đề như vậy[41]. Ngoài ra Nghĩa Tịnh nhất quyết là tước xỉ mộc (nhai/đánh răng bằng xỉ mộc) không phải là tước dương chi (nhai/đánh răng bằng nhành dương) như đa số tài liệu kinh kệ được dịch từ tiếng Phạn. Trong cuốn Đại Đường Tây Vực Cầu Pháp Cao Tăng Truyện quyển thượng, ngài cũng nhắc lại điều này[42] (cây xỉ mộc không phải là dương liễu). Không những là các ghi chép về cách dùng cho người ít tuổi đến người già, Nghĩa Tịnh còn chỉ cho biết phương cách vất bỏ các xỉ mộc sau khi dùng, một giai đoạn ít người để ý cho các đồ "phế thải". Trong những mục đích như là tài liệu lịch sử tôn giáo quan trọng, NHKQNPT còn là một nguồn dữ liệu về ngôn ngữ, lịch sử và địa lý rất đáng khai thác thêm. Thí dụ như trong phần giới thiệu của NHKQNPT, ngài ghi rằng "*Từ Hoan Châu đi bộ về hướng Nam khoảng hơn nửa tháng, hay sau năm hay sáu thuỷ triều khi đi tàu, sẽ đến Chuỷ Cảnh[43]. Đi về phía nam nữa sẽ đến Chiêm Ba[44] hay Lâm Ấp*". Thành ra các tài liệu như NHKQNPT cung cấp nhiều thông tin quý báu về nhân danh, địa danh cổ để tra cứu cho thêm mức chính xác trong quá trình tìm hiểu chúng. Hi vọng bài viết này sẽ là một động lực cho người đọc tìm hiểu sâu xa hơn về lịch sử Phật giáo và khám phá nhiều kết quả thú vị hơn nữa.

Phụ Trương

1. Bản Hán văn của Nam Hải Kí Quy Nội Pháp Truyện - đọc theo thứ tự trang (A) (B) (C)

八朝嚼齒木
每日旦朝須嚼齒木措齒刮舌務令
如法盥漱清淨方行敬禮若其不然
受禮他慈皆得罪其齒木者梵云
憚哆家瑟訶憚哆譯之為齒家瑟訶
即是其木長十二指短不減八指大

(A)

牙疼西國迥無良為嚼其齒木豈容
不識齒木名作揚枝西國柳樹全稀
譯者輒傳斯号佛齒木樹實非揚柳
那爛陀寺目自親觀既不取信於他
聞者亦無勞致惑檢涅脛經梵本云
嚼齒木時矣亦有用細柳條或五或
六全嚼口內不解漱除或有吞汁將
為痲病末清潔而返穢莫去疾而壯
痲或有斯亦不知非在論限然五天
法俗嚼齒木自是恒事三歲童子咸
即教為聖教俗流俱通利益既中咸
否行捨隨心

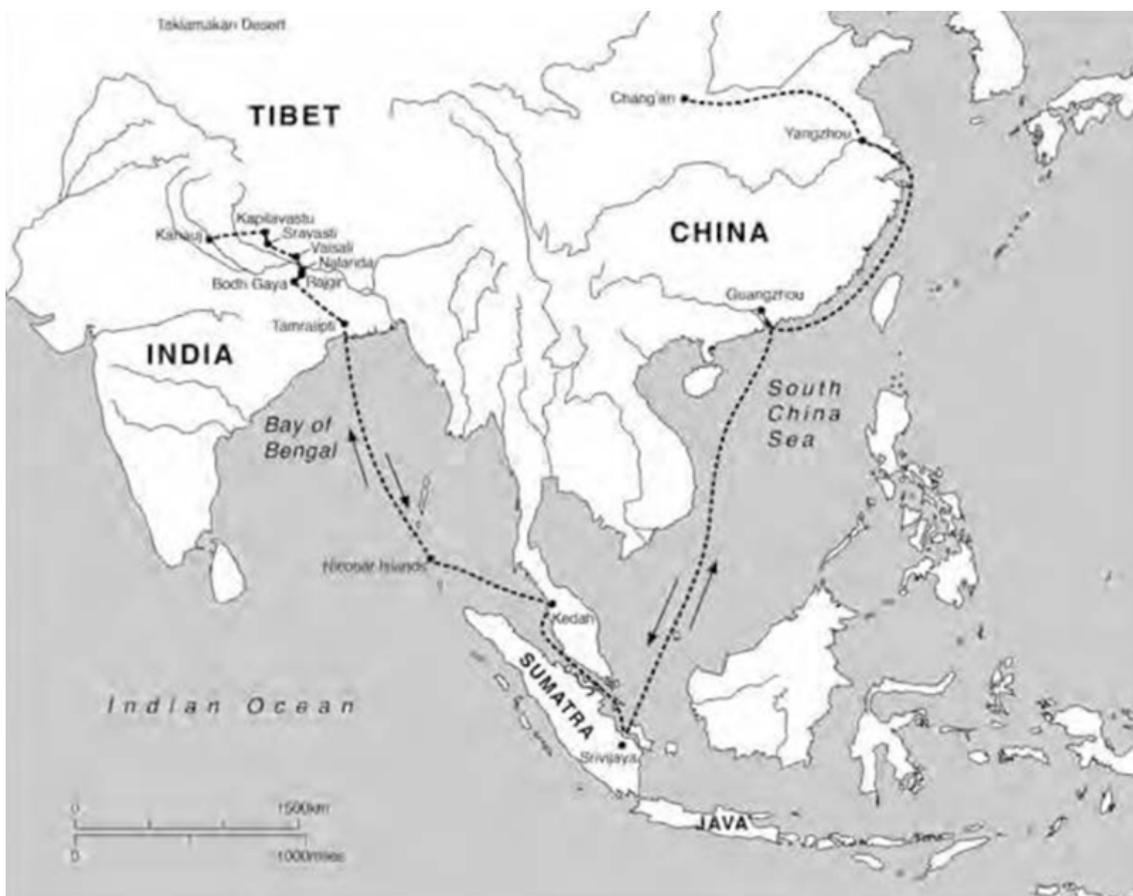
(C)

如小指一頭緩須熟嚼良久淨刷牙
關若也逼近尊人宜將左手掩口用
羅摩破屈而刮舌或可別用銅鐵作
刮舌之算或取竹木薄片如小指面
許一頭纖細以剔斷牙屈而刮舌勿
令傷損亦既用羅即俱洗素之屏
屢凡棄齒木若口中吐水及以痰唾
皆須彈指經三或時聲效過兩如不
尔者棄便有罪或可大木破用或可
小條截為近山莊者則柞條葛蔓為
先處平疇者乃楮桃槐柳隨意預叙
脩擬无令關乏濕者即須他授乾者
許自執持少壯者任取嚼之老宿者
乃推頭使碎其木條以苦澁辛熱者
為佳嚼頭成絮者為家鹿胡菜根極
為精也嚼齒木可根者堅齒口香消食去
穢用之半月口氣頓除牙疼齒億三
旬即愈受須熟嚼淨指令涎痰流出
多水淨漱斯其法也次後若解鼻中
飲水一抄此是龍樹長年之術必其
鼻中不串口飲亦佳久而用之便少
疾病然而牙齒根宿穢積久成堅刮之
令盡苦澁淨漱更不腐敗自至終身

(B)

Ảnh tác giả cung cấp

2. Hành trình[45] của pháp sư Nghĩa Tịnh đến Ấn Độ tu học (và về lại Trung Hoa) - trích từ trang 353 cuốn "Texts and Transformations - Essays in Honor of the 75th Birthday of Victor H. Mair" chủ biên Haun Saussy - NXB Cambria Press (2018).



Ảnh tác giả cung cấp

3. Năm miền của Ấn Độ (Ngũ Thiên)

Một cách giải thích địa danh khác[46] khá đặc biệt dựa vào màu da (complexion tiếng Anh) từ ngăm đen cho đến trắng hơn của năm miền - xem bản đồ bên dưới. Một điểm nên nhắc ở đây là Nghĩa Tịnh - trong điều 25 - giải thích năm miền trong đó trung thổ Madhyadesa đóng vai trò quan trọng đến nỗi còn có tên gọi là Aryadesa hay Đất Thánh/Thánh Địa (Arya ~ cao quý/thánh thiện, desa ~ miền, vùng đất). Lý do là trung thổ Madhyadesa (Madhya ~ ở giữa, trung, desa ~ miền) là nơi xuất phát nhiều vị thánh Ấn Độ (khởi nguồn của Ấn Độ giáo, Phật giáo ...).

Trong Đại Đường Tây Vực Cầu Pháp Cao Tăng Truyện của Nghĩa Tịnh - đoạn nói về pháp sư Đạo Sinh viết: [] vãng du Trung Quốc ~ du hành sang Ấn Độ (không phải Trung Hoa như cách hiểu ngày nay[47]). Pháp Hiển trước đó cũng từng dùng Trung Quốc để chỉ Ấn Độ - trích Phật Quốc Kí: [] tông thị dĩ nam danh vi Trung Quốc. Trung Quốc hàn thử điều hòa - tạm dịch/NCT đi về hướng nam gọi là Trung Quốc, thời tiết điều hoà (trích từ Phật Quốc Kí - chương 16). Hiện nay, Trung Quốc có nghĩa rất khác, chỉ nước Trung Quốc (China tiếng Anh) chứ không chỉ (trung thổ) Ấn Độ như trong các tài liệu cách đây 17 TK.

So sánh với tên Trung Quốc bây giờ là China (tiếng Anh, Đức, Hà Lan, Galician, Bồ Đào Nha, Romanian, Swahili, Hunsrik), Cina (tiếng Indônêsi, Ý), Kina (tiếng Albanian, Đan Mạch, Hi Lạp, Icelandic, Serbian, Thụy Điển, Hung Gia Lợi, Na Uy, Macedonian), Chine (tiếng Pháp)...v.v...

4. Hiện nay ít thấy tăng, ni dùng xỉ mộc hay dương chi so với bàn chải và thuốc đánh răng.

Một số nước ở Châu Phi và Hồi giáo vẫn còn giữ tục lệ này - cây nhai/chà răng này gọi là miswak - danh từ này có gốc từ tiếng Ả Rập nghĩa là cây đánh răng. Người viết/NCT có tìm hiểu thêm về thương hiệu (miswak) trong vài tiệm tạp hoá Ấn Độ ở Melbourne (tháng 1 năm 2025), nhưng không thấy cây nhai/chà răng (xỉ mộc) mà lại thấy bán thuốc đánh răng (toothpaste tiếng Anh) hiệu miswak.



Ảnh tác giả cung cấp

Một hàng bán xỉ mộc (miswak) và hình chụp gần một đầu dùng để đánh răng. Có thể xem xỉ mộc như là một dụng cụ "đa năng" làm sạch răng (multifunctional teeth cleaning tool - tiếng Anh) vì có thể

- chà răng/đánh răng (toothbrush ~ bàn chải đánh răng)
- xỉa răng (toothpick - dùng đầu có các sợi đã mềm để khều chân răng, an toàn hơn tăm cứng)
- cạo lưỡi (tongue scraper - bề cong xỉ mộc để cạo lưỡi/Nghĩa Tịnh)
- sát trùng[50] (antibacterial - tốt cho răng và miệng) từ một số cây như *Salvadora persica* (cây Arak - Arak tree) ...v.v...

[21] Takakusu (sđd) dịch đoạn này là "*Vài nơi ở Trung Hoa dùng các cành liễu nhỏ để nhai và không biết cách súc/rửa miệng cho sạch nước ra/dịch (juice)*". Có thể bản nguồn có sự sai lệch/khác biệt hay chẳng? Tài liệu PG liên hệ ở Nhật Bản và Trung Hoa có thể được chép lại khác/sai đi so với bản chính. Pháp Sư Dōgen (一〇四九-一一三三) từng nhận xét rằng tăng đoàn ở Nhật vẫn còn dùng 'xỉ mộc' so với tăng đoàn Trung Hoa lại không biết đến, dù rằng giới luật thường nhắc nhở, và do đó các nhà sư Trung Hoa thường bị hôi miệng (tham khảo cuốn "A Pure Mind in a Clean Body: Bodily Care in the Buddhist Monasteries of Ancient India and China" tác giả Ann Heirman và Mathieu Torck - Academia Press 2012).

[22] Các bé lên ba thường có 20 chiếc răng sữa, bắt đầu rụng đi khi lên 6 hay 7 tuổi. Đến lúc 12 tuổi thì có 20 răng vĩnh viễn. Dạy cách dùng xỉ mộc cho các bé lên ba (cũng như khắp cả 5 miền của đất Ấn Độ) cho thấy phần nào mức độ phổ thông của phong tục này trong xã hội Ấn Độ vào TK 7 (qua trải nghiệm của Nghĩa Tịnh).

[23] Tùy tâm hàm ý tùy theo sự phán xét/trải nghiệm của người đọc mà chấp nhận hay bác bỏ. Đây là một cách nhìn khách quan/khoa học không khiên cưỡng, so với khái niệm tự lực và tha lực trong Phật giáo...v.v...

[24] Takakusu (sđd) dịch đoạn này như sau "*Tôi đã giải thích giá trị/so sánh tục nhai/xỉ răng bằng xỉ mộc ở Trung Hoa và Ấn Độ, mỗi nghĩa xét đoán cho chính mình để xem có thể chấp nhận/Thực hành hay bác bỏ tục lệ này*". Không thấy các địa danh cận đại như Trung Hoa hay Ấn Độ trong nguyên bản (dùng để soạn bài viết này/NCT).

[25] Thước xưa là xích 尺, một đơn vị đo chiều dài thời cổ, khoảng 25 cm vào thời nhà Tùy (thời nhà Thanh khoảng 33 cm). Thước là một dạng âm cổ của xích còn bảo lưu trong tiếng Việt - tự điển Việt Bồ La (1651) ghi thước là cubitus (tiếng La Tinh), một đơn vị đo chiều dài cổ dao động từ 46 cm đến 53 cm. Cubit nguyên thủy là chiều dài từ cùi chỏ đến đầu ngón giữa. Taberd (1838) dịch cubitus là cánh chỏ, xích, một thước ...

[26] Tùy Thư là chính sử của nhà Tùy (591-618) gồm 85 quyển.

[27] Tham khảo chi tiết trong bài viết của GS Vương Khánh (2018) "*尺*" (Tước dương chi 尺 lịch sử thượng đích khiết xỉ tập tục) - đại học sư phạm văn học (Bắc Kinh).

[28] Thượng Toạ Thích Thiện Phước dùng động từ nhân để dịch tước HV: tước dương chi ~ nhân hành dương - tham khảo bài viết (2015) "*Nguồn gốc nhân*

dương và tằm xỉa răng".

[29] Tiếng Pali là danta-katth hay danta-pona.

[30] Có lẽ đọc là Long Thụ thì có ý nghĩa hơn so với Long Thọ: thụ là cây (木 bộ mộc), td. (cây) đại thụ chứ không nghe nói (cây) đại thọ với nghĩa khác hẳn (đại thọ ~ sống lâu, thọ 壽 bộ sĩ). Tuy nhiên, cách dùng cho thấy ảnh hưởng cũng như đóng góp của phương ngữ trong tiếng Việt (td. Đàng Ngoài so với Đàng Trong - từ điển Việt Bồ La/1651, Theurel/1877 dùng thụ/cây so với cách dùng thọ của cụ Trương Vĩnh Ký, Huỳnh Tịnh Của ở Đàng Trong ...v.v...).

[31] Nalanda có nghĩa là lòng khoan dung vô tận, hàm ý vua chúa thời đó và mạnh thường quân đã giúp đỡ rất nhiều để xây dựng tu viện Nalanda. Tuy nhiên, cũng có một cách lý giải khác về nguồn gốc tên Nalanda là từ danh từ cọng sen tiếng Phạn (nala 𑀧𑀸𑀢𑀺).

[32] Người viết ghi âm đọc 𑀧𑀸𑀢𑀺 là cà 𑀧𑀸𑀢𑀺 cổ nha thiết/Thuyết Văn Giải Tự) so với dạng ngạc hoá hậu kì là già

[33] Đọc toàn bài trên trang này chẳng hạn [https://vanchuongviet.org/index.php?comp=tacpham&action=detail&id=21418 ...V.V...](https://vanchuongviet.org/index.php?comp=tacpham&action=detail&id=21418...V.V...)

[34] Bụt là âm cổ hơn của Phật còn bảo lưu trong tiếng Việt (gần với âm gốc tiếng Phạn budh-). Thời gian dạng Bụt (~ Phật) hiện diện trong tiếng Việt lâu hơn nên nghĩa còn mở rộng trong dân gian để chỉ cụ già tốt bụng, râu tóc bạc phơ, thường xuất hiện để giúp người gặp nạn.

[35] Có thể đọc loạt bài viết "*Bụt hay Phật?*" cùng tác giả (Nguyễn Cung Thông) trên [mạng như](https://sachhiem.net/VANHOC/NGCGTHG/NguyenCungThong01.php...v.v...) [https://sachhiem.net/VANHOC/NGCGTHG/NguyenCungThong01.php ...v.v...](https://sachhiem.net/VANHOC/NGCGTHG/NguyenCungThong01.php...v.v...)

[36] Có dịch giả giữ nguyên dạng ngũ thiên HV mà không dịch vì cách dùng này không rõ nghĩa. Tuy nhiên, nhà sư Cao Li Tuệ Siêu 𑀧𑀸𑀢𑀺 (704-783) đã từng hành hương Ấn Độ và viết cuốn Vãng Ngũ Thiên Trúc Truyện 𑀧𑀸𑀢𑀺 bằng Hán ngữ - năm nước (vùng) ở Ấn Độ là bắc, nam, đông, tây và trung (ở giữa Ấn Độ). Như vậy ngũ thiên có thể hàm ý khắp Ấn Độ như vậy và cũng giống như cách dùng của Tịnh Nghĩa chẳng?

[37] Tham khảo thêm chi tiết tài liệu của trung tâm giáo dục VISION IAS (Ấn Độ) chủ đề "*Important Kingdoms of North & South India*" (2024) trang [https://x.com/UPSC_EDU/status/1768879679799521743/photo/2 ...v.v...](https://x.com/UPSC_EDU/status/1768879679799521743/photo/2...v.v...)

[44] Pháp Hiển trong Phật Quốc Kí cũng nhắc đến một nước Chiêm Ba (𑀘𑀓𑀡𑀓 Chiêm Ba đại quốc) nằm bên bờ sông Hằng, nơi đức Phật Tổ từng ghé qua.

[45] GS Tansen Sen thiếu khúc (?) Nghĩa Tịnh bàn về nước Champa và đường bộ lên phía bắc để đến Hoan Châu và *Pi *Kinh (ở An Nam). Đoạn này nằm trong phần giới thiệu của NHKQNPT trước khi bắt đầu điều 1, 2, 3 ...

[46] Trích từ trang <https://www.jatland.com/home/Madhyadesha>

[47] Cả đoạn này là 𑀘𑀓𑀡𑀓 (𑀘𑀓𑀡𑀓) 𑀘𑀓𑀡𑀓 [𑀘𑀓𑀡𑀓] 𑀘𑀓𑀡𑀓 Đạo Sinh pháp sư giả 𑀘𑀓𑀡𑀓 Tinh Châu nhân dã 𑀘𑀓𑀡𑀓 Phạm danh Chiên Đạt La Đề Bà (Đường vân Nguyệt Thiên) dĩ trình quan mật niên tông thổ phiên lộ 𑀘𑀓𑀡𑀓 vãng du Trung Quốc - tạm dịch/NCT Pháp sư Đạo Sinh gốc Tinh Châu, tên Phạm là Chiên Đạt La Đề Bà (tiếng nhà Đường/Trung Hoa gọi là Nguyệt Thiên), cuối niên hiệu Trinh Quán sư du hành sang Ấn Độ. Để ý tiếng Phạn chadradeva 𑀘𑀓𑀡𑀓 kí âm là Chiên Đạt La Đề Bà (Chiên Đạt La - chandra là mặt trăng, Đề Bà - deva là thần/thánh tương ứng với Nguyệt Thiên HV). Các sư thời trước thường có tên bằng tiếng Phạn (pháp danh), sau mới dùng họ Thích lấy từ tên bộ tộc đức Phật Tổ Sakya 𑀘𑀓𑀡𑀓 - việc lấy họ Thích cho tăng sĩ tương truyền là từ thời sư Đạo An (312-385).

[48] Một cách giải thích dạng Chi Na 𑀘𑀓𑀡𑀓 là kí âm tiếng Phạn cīna 𑀘𑀓𑀡𑀓 (đọc gần như chín giọng Bắc VN /tʃi:n/), chữ này đã hiện diện rất lâu trong tài liệu và kinh kệ tiếng Phạn. Chi Na là tên gọi nhà Tần 𑀘𑀓𑀡𑀓 (248-207 TCN) vì âm cổ của tần đọc như *chín giọng Bắc VN. Pháp sư Huyền Trang cũng từng dùng 𑀘𑀓𑀡𑀓 ma ha chi na quốc (tiếng Phạn maha ~ lớn ~ đại HV) tương ứng với Đại Đường quốc. Tên gọi (nước) Trung Hoa thường dùng tính từ đại trước triều đại cai trị như Đại Hán, Đại Đường, Đại Minh, Đại Thanh ...v.v...

[49] Thất Lợi Cấp Đa (shi li *kṣap *ta) là kí âm của tiếng Phạn Sri-Gupta, là vua khởi đầu triều đại Gupta ở Bắc Ấn Độ - ông qua đời vào năm 280. Để ý trong đoạn này Nghĩa ghi Chi Na là Quảng Châu 𑀘𑀓𑀡𑀓 (Chi Na tức Quảng Châu dã).

[50] Tham khảo bài viết về các tác dụng sức khỏe của cây Arak "*Salvadora persica L.: Toothbrush tree with health benefits and industrial applications – An updated evidence-based review*" các tác giả Mohamed Farag, Wael M. Abdel-Mageed, Ali A. El Gamal, Omar A. Basudan (2021) - trang này chẳng hạn

<https://www.sciencedirect.com/science/article/pii/S1319016421001043> ...v.v... Dùng cây cỏ cho dụng cụ trong hoạt động hàng ngày như vệ sinh cá nhân có thể đem lại nhiều hậu quả rất tốt cho môi trường thay vì những dụng cụ bằng

plastic hay từ các chất hoá học (nhân tạo).

Tài liệu tham khảo chính

- 1) Ann Heirman/Mathieu Torck (2012) "A Pure Mind in a Clean Body: Bodily Care in the Buddhist Monasteries of Ancient India and China" NXB Academia Press, Gent (Belgium)
- 2) Li Rongxi (2000) "Buddhist Monastic Traditions of Southern Asia: A Record of the Inner Law Sent Home from the South Seas" NXB Numata Center for Buddhist Translation and Research, Berkeley (California, USA) - bản dịch ra tiếng Anh từ cuốn 佛國記 (Nam Hải Ký Quy Nội Pháp Truyện - Tịnh Nghĩa)
- 3) Nguyễn Cung Thông (2011) "A Di Đà Phật hay A Mi Đà Phật?" - có thể tham khảo bài viết này trên mạng như [https://thuvienhoasen.org/a13186/a-di-da-phat-hay-a-mi-da-phat ...v.v...](https://thuvienhoasen.org/a13186/a-di-da-phat-hay-a-mi-da-phat...v.v...)
- 4) Takakusu Junjiro (1896) "A Record of the Buddhist Religion as Practised in India and the Malay Archipelago" NXB Clarendon Press (London) - bản dịch ra tiếng Anh từ cuốn 佛國記 (Nam Hải Ký Quy Nội Pháp Truyện - Tịnh Nghĩa).
- 5) Tansen Sen (2018) "Yijing and the Buddhist Cosmopolis of the Seventh Century" bài viết đăng trong chương 13 cuốn "Texts and Transformations - Essays in Honor of the 75th Birthday of Victor H. Mair" chủ biên Haun Saussy - NXB Cambria Press (2018).
- 6) Thích Thiện Phước (2015) "Nguồn gốc ngành dương và tắm xỉ răng" đăng trên các trang của chùa Hội Phước, Tặng Thư Phật Học ...v.v...
- 7) Từ Nguyên 詞 (2004) NXB Thương Vụ Ấn Thư Quán - Bắc Kinh (2004)
- 8) Vương Khánh 王 (2018) "佛國記 (佛國記)" (Tước dương chi 佛國記 lịch sử thượng đích khiết xỉ tập tục) - bài viết về xỉ mộc, dương chi dựa vào các tài liệu Hán cổ - đại học sư phạm văn học (Bắc Kinh) - có thể tham khảo trên trang này chẳng hạn [https://www.chinafolklore.org/web/index.php?NewsID=17495 ...v.v...](https://www.chinafolklore.org/web/index.php?NewsID=17495...v.v...)
- 9) Zhang Jingting (2018) "The Buddhist Sangha life in the seventh century: based on a record of the Inner Law sent home from the South Seas of Yijing" luận án tiến sĩ - Graduate school - Mahachulalongkornrajavidyalaya University (Thái Lan).

Tác giả: **Nguyễn Cung Thông**

Địa chỉ: 1/27 Glen Court, Glen Waverley 3150 Victoria, Australia